

BIÊN BẢN**Niêm yết hồ sơ công khai theo Thông tư 90/2018
Quý 1 năm 2023**

Hôm nay, vào hồi 8h ngày 03 tháng 4 năm 2023

Tại: Trường THCS Phú Hòa Đông, chúng tôi gồm:

1. Đ/c : Đoàn Thị Hoa - Hiệu trưởng nhà trường
2. Đ/C: Dương Minh Trí - Chủ tịch công đoàn nhà trường
3. Đ/C: Nguyễn Văn Hiếu - Trưởng Ban thanh tra nhân dân
4. Đ/C : Lê Thị Mỹ Dung - Kế toán nhà trường
5. Đ/c : Trần Thị Thanh Nguyên - Thủ quỹ

Lập biên bản về việc niêm yết hồ sơ công khai theo Thông tư 90/2018- Quý 1 Năm 2023

Thời gian niêm yết: bắt đầu từ 8 h ngày 03 tháng 4 năm 2023

Hồ sơ niêm yết công khai gồm :

- Công khai quyết toán thu chi ngân sách Nhà nước, nguồn khác Quý1/2023 (Biểu số 2)
- Công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách Nhà nước Quý 1/2023 (Biểu số 3)
- Công khai quyết toán thu chi ngân sách Nhà nước Quý1/2023 (Biểu số 4)
- Công khai dự toán thu chi ngân sách Nhà nước Quý1/2023 (Biểu số 6)
- Công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách Nhà nước Quý 1/2023 (Biểu số 7)
- Công khai quyết toán thu chi ngân sách Nhà nước Quý1/2023 (Biểu số 8)
- Tổng hợp thu chi sự nghiệp giáo dục Quý 1/2023

Biên bản lập xong hồi 9h 30 cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

Những người thực hiện niêm yết

Hiệu trưởng

CTCD

TB.TTND

Thủ quỹ

Kế toán



Đoàn Thị Hoa

Dương Minh Trí / *Nguyễn Văn Hiếu* / *Trần Thị Thanh Nguyên* / *Lê Thị Mỹ Dung*

Số: 51/QĐ-THCSPHD

Củ Chi, ngày 31 tháng 03 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách Quý 1 năm 2023 của
Trường THCS Phú Hòa Đông

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS PHÚ HÒA ĐÔNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Xét đề nghị của Bà Lê Thị Mỹ Dung – Nhân viên kế toán của trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách Quý 1 năm 2023 của trường THCS Phú Hòa Đông (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trường THCS Phú Hòa Đông có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- Phòng GD-ĐT huyện;
- Lưu :KT, VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Đoàn Thị Hoa

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG THCS PHÚ HÒA ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 53/QĐ-THCSPHD

Củ Chi, ngày 03 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách Quý 1 năm 2023 của
Trường THCS Phú Hòa Đông

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS Phú Hòa Đông

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Xét đề nghị của Bà Lê Thị Mỹ Dung – Nhân viên kế toán của trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách Quý 1 năm 2023 của trường THCS Phú Hòa Đông (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trường THCS Phú Hòa Đông có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- Phòng GD-ĐT huyện;
- Lưu :KT, VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Đoàn Thị Hoa

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Quý 1 Năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 3/QĐ- THCS PHD ngày 04/ 4 /2023 của Hiệu trưởng trường THCS Phú Hòa Đông.)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

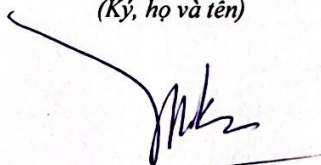
Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán giao
A	B	1
A.	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I.	Số thu phí, lệ phí	
1.	Phí	
2.	Lệ phí	
II.	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	
1.	Phí	
2.	Lệ phí	
III.	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1.	Phí	
2.	Lệ phí	
B.	Dự toán chi ngân sách nhà nước	23.778.288.700
I.	Nguồn ngân sách trong nước	23.778.288.700
1.	Chi quản lý hành chính	
1.1.	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2.	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2.	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1.	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3.	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	23.778.288.700
3.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11.871.692.080
3.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	11.906.596.620
4.	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5.	Chi bảo đảm xã hội	
5.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Số TT	Nội dung	Dự toán giao
A	B	I
6.	Chi hoạt động kinh tế	
6.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7.	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8.	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9.	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10.	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11.	Quốc phòng	
11.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
11.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
12.	An ninh và trật tự an toàn xã hội	
12.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
12.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II.	Nguồn viện trợ	
III.	Nguồn vay nợ nước ngoài	

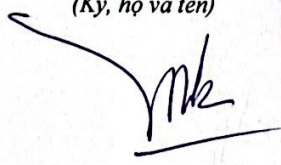
Ngày 04 tháng 1 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ và tên)



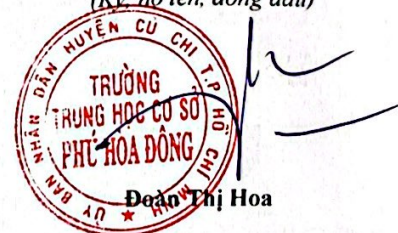
Lê Thị Mỹ Dung

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)



Lê Thị Mỹ Dung

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đào Thị Hoa

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Quý 1 Năm 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

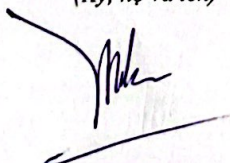
Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/ 6 tháng/ năm	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	B	1	2	3	4
A.	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I.	Số thu phí, lệ phí				
1.	Phí				
2.	Lệ phí				
II.	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
1.	Phí				
2.	Lệ phí				
III.	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1.	Phí				
2.	Lệ phí				
B.	Dự toán chi ngân sách nhà nước	23.778.288.700	3.439.374.525	14	
I.	Nguồn ngân sách trong nước	23.778.288.700	3.439.374.525	14	
1.	Chi quản lý hành chính				
1.1.	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2.	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2.	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1.	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3.	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	23.778.288.700	3.439.374.525	14	
3.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11.871.692.080	2.728.814.525	23	
3.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	11.906.596.620	710.560.000	6	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/ 6 tháng/ năm	Ước thực hiện/ dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	B	1	2	3	4
4.	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5.	Chi bảo đảm xã hội				
5.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6.	Chi hoạt động kinh tế				
6.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7.	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8.	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9.	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10.	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11.	Quốc phòng				
11.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
11.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
12.	An ninh và trật tự an toàn xã hội				
12.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
12.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II.	II. Nguồn viện trợ				
III.	III. Nguồn vay nợ nước ngoài				

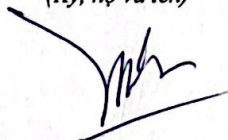
Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ và tên)



Lê Thị Mỹ Dung

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)



Lê Thị Mỹ Dung

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đoàn Thị Hoa

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Quý 1 Năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 3 /QĐ-THCSPHD ngày 03/ 04 / 2023 của Hiệu trưởng trường THCS Phú Hòa Đông)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3
A.	A. Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I.	I. Số thu phí, lệ phí			
1.	Phí			
2.	Lệ phí			
II.	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
1.	Phí			
2.	Lệ phí			
III.	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			
1.	Phí			
2.	Lệ phí			
B.	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	3.439.374.525	3.439.374.525	
I.	Nguồn ngân sách trong nước			
1.	Chi quản lý hành chính			
1.1.	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2.	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2.	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
2.1.	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
2.2.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3.	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3.439.374.525	3.439.374.525	
3.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.728.814.525	2.728.814.525	
3.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	710.560.000	710.560.000	
4.	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
4.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
5.	Chi bảo đảm xã hội			
5.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
5.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			

Trang : 1/2

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3
6.	Chi hoạt động kinh tế			
6.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
6.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
7.	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
7.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
8.	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
8.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
9.	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
9.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
10.	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
10.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
11.	Quốc phòng			
11.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
11.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
12.	An ninh và trật tự an toàn xã hội			
12.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
12.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
II.	Nguồn viện trợ			
III.	Nguồn vay nợ nước ngoài			

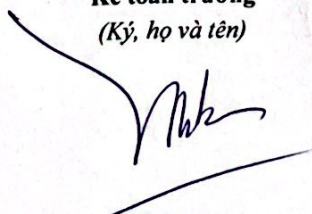
Ngày 13 tháng Năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ và tên)



Lê Thị Mỹ Dung

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)



Lê Thị Mỹ Dung

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đoàn Thị Hoa

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ

Quý 1 Năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 1/QĐ-THCSPHD ngày 11/03/2023 của Hiệu trưởng trường THCS Phú Hòa Đông)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	B	1
I	Nguồn ngân sách trong nước	23.778.288.700
1.	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3.	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	23.778.288.700
3.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11.871.692.080
3.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	11.906.596.620
4.	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5.	Chi bảo đảm xã hội	
5.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6.	Chi hoạt động kinh tế	
6.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7.	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8.	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9.	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	B	I
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10.	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11.	Quốc phòng	
11.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
11.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
12.	An ninh và trật tự an toàn xã hội	
12.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
12.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II.	Nguồn viện trợ	
III.	Nguồn vay nợ nước ngoài	

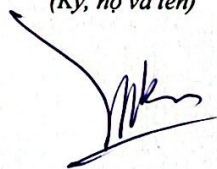
Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ và tên)



Lê Thị Mỹ Dung

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)



Lê Thị Mỹ Dung

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đoàn Thị Hoa

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Quý 1 Năm 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ)

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

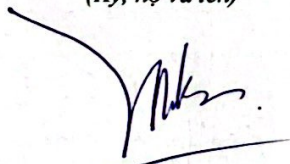
Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/ 6 tháng/ năm	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	B	1	2	3	4
1	Nguồn ngân sách trong nước	23.778.288.700	3.439.374.525	14	
1.	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3.	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	23.778.288.700	3.439.374.525	14	
3.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11.871.692.080	2.728.814.525	23	
3.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	11.906.596.620	710.560.000	6	
4.	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5.	Chi bảo đảm xã hội				
5.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6.	Chi hoạt động kinh tế				
6.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7.	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/ 6 tháng/ năm	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	B	1	2	3	4
7.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8.	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9.	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10.	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11.	Quốc phòng				
11.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
11.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
12.	An ninh và trật tự an toàn xã hội				
12.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
12.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II.	Nguồn viện trợ				
III.	Nguồn vay nợ nước ngoài				

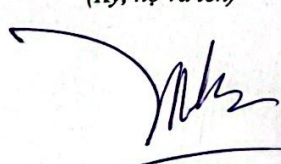
Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ và tên)



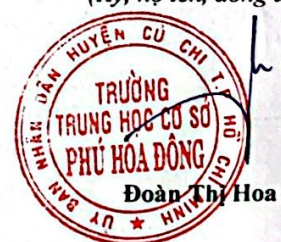
Lê Thị Mỹ Dung

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)



Lê Thị Mỹ Dung

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Quý 1 Năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 3/QĐ- THCS PHĐ ngày 04 / 2023 của Hiệu trưởng trường THCS Phú Hòa Đông)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.439.374.525	3.439.374.525	
1.	Chi quản lý hành chính			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3.	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3.439.374.525	3.439.374.525	
3.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.728.814.525	2.728.814.525	
3.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	710.560.000	710.560.000	
4.	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
4.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
5.	Chi bảo đảm xã hội			
5.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
5.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
6.	Chi hoạt động kinh tế			
6.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
6.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
7.	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
7.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
8.	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
8.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
9.	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
10.	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
10.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
11.	Quốc phòng			
11.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
11.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
12.	An ninh và trật tự an toàn xã hội			
12.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
12.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
II.	Nguồn viện trợ			
III.	Nguồn vay nợ nước ngoài			

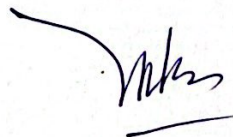
Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ và tên)



Lê Thị Mỹ Dung

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)



Lê Thị Mỹ Dung

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)



QUYẾT TOÁN THU - CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC QUÍ I NĂM 2023

STT	Nội dung	Tổng cộng	Học phí	Cán tin - xe đạp	Tổng cộng thu thỏa thuận	Thu thỏa thuận				Dvt: đồng
						2 buổi	Học nghề	Phó cấp bồi	Ký năng sống	
		1=2+3+4	2	3	4	5	7	8	9	
1	Năm 2022 chuyển sang	1.210.768.427	1.113.962.830	51.037.900	45.767.697	38.024.127	4.929.490	-	2.814.080	
	* Con người và hoạt động	173.997.914	171.065.778	-	2.932.136	719.932	523.756	-	1.688.448	
	* Cài cách tiền lương	1.036.770.513	942.897.052	51.037.900	42.835.561	37.304.195	4.405.734	-	1.125.632	
2	Thực thu Quí I năm 2023	1.452.980.000	852.870.000	90.000.000	510.110.000	453.560.000	-	53.250.000	3.300.000	
	* Thu trên sổ sách	1.452.980.000	852.870.000	90.000.000	510.110.000	453.560.000	-	53.250.000	3.300.000	
3	Chi con người và hoạt động Quí I năm 2023	155.295.406	108.425.191	0	46.870.215	46.870.215	0	0	0	
4	Chênh lệch thu > chi hoạt động Quí I năm 2023									
5	* Tạm trích cải cách tiền lương 40 %		341.148.000							
6	Trích lập quỹ Quí I 2022	285.878.442	285.878.442	-	0	-	-	-	-	
	Quỹ bổ sung thu nhập	222.985.185	222.985.185		0		0	0	0	
	Quỹ phúc lợi	28.587.844	28.587.844		0		0	0	0	
	Quỹ khen thưởng	5.717.569	5.717.569		0		0	0	0	
	Quỹ phát triển sự nghiệp	28.587.844	28.587.844		0		0	0	0	

TRƯỜNG THCS PHÚ HÒA ĐÔNG

STT	Nội dung	Tổng cộng	Học phí	Cần tin - xe đạp	Tổng cộng thu thỏa thuận	Thu thỏa thuận			
						2 buổi	Học nghề	Phó cấp bơi	Kỹ năng sống
		1=2+3+4	2	3	4	5	7	8	9
7	Chi cải cách tiền lương năm 2022	687.077.552	687.077.552	-	0	-	-	-	-
	* Chi chênh lệch lương	0	-	-	0	-	-	-	-
	* Chi NQ 04	687.077.552	687.077.552	-	0	-	-	-	-
8	Tổng số quyết toán trong Quý I năm 2023 (3+6+7)	1.128.251.400	1.081.381.185	0	46.870.215	46.870.215	0	0	0
9	Tồn chuyển sang Quý 2 năm 2023	1.535.497.027	885.451.645	141.037.900	509.007.482,00	444.713.912	4.929.490	53.250.000	6.114.086,00
	- Con người và hoạt động	844.656.066	288.484.145	90.000.000	466.171.921	407.409.717	523.756	53.250.000	4.988.448
	- CCTL 2023	690.840.961	596.967.500	51.037.900	42.835.561	37.304.195	4.405.734	-	1.125.632

Người lập bảng

Lê Thị Mỹ Dung

Ngày 31 tháng 03 năm 2023

Hiệu trưởng



Đoàn Thị Hoa